TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THỊ XÃ N	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH KHÁNH HÒA	

Án số: **98**/2024/DS-ST
Ngày: 12/9/2024
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hoa**
Ông **Nguyễn Chung**
Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Anh**
Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Trần Thanh Sơn** - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 141/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2024/QĐHPT-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng N**

Địa chỉ: Láng Hạ, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V**, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Lê Thị Nhật T**, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh thị xã N – Phòng giao dịch N *(theo Giấy ủy quyền số 313/UQ-NHNo-NH ngày 09/5/2024 của Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh N)*. Địa chỉ: Tổ dân phố x, phường D, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:*

1/ Ông **Nguyễn Văn D** – Sinh năm 1978

2/ Bà **Nguyễn Thị C** – Sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Lê Thị Nhật T trình bày:*

Ngân hàng N xác lập hợp đồng tín dụng dành cho khách hàng cá nhân số 4704LAV201703404 ngày 11/9/2017 kèm phụ lục với ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị C cho vay số tiền: 30.000.000 đồng; ngày giải ngân: 12/9/2017; ngày đến hạn: ngày

11/9/2019; thời hạn vay là 24 tháng; kỳ trả nợ: ngày 30/9/2018 trả số tiền gốc: 2.000.000 đồng, ngày 11/9/2019 trả số tiền gốc: 28.000.000 đồng; mục đích vay sử dụng mục đích gia đình chăn nuôi bò, nuôi gà; lãi suất cho vay: 10%/năm trên nợ gốc, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; cho vay không đảm bảo bằng tài sản.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông D và bà C đã trả được số tiền: 11.576.642 đồng trong đó số tiền gốc: 8.372.000 đồng và số tiền lãi: 3.204.642 đồng. Từ ngày 01/10/2018, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc và thông báo trả nợ nhưng bị đơn vẫn chây ỳ không thực hiện nghĩa vụ.

Nay ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị C phải thanh toán số tiền tính đến ngày 12/9/2024: 42.863.151 đồng trong đó tiền gốc: 21.628.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 14.183.517 đồng, tiền lãi quá hạn: 5.717.938 đồng, tiền lãi chậm trả: 1.333.696 đồng.

Ngoài ra, ông D, bà C còn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh kể từ ngày 13/9/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số 4704LAV201703404 ngày 11/9/2017 kèm phụ lục cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị C đã được Tòa án nhiều lần triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm*:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho Ngân hàng N số tiền tính đến ngày 12/9/2024: 42.863.151 đồng trong đó tiền gốc: 21.628.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 14.183.517 đồng, tiền lãi quá hạn: 5.717.938 đồng, tiền lãi chậm trả: 1.333.696 đồng theo hợp đồng tín dụng số 4704LAV201703404 ngày 11/9/2017 kèm phụ lục. Ngoài ra, ông D, bà C còn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh kể từ ngày 13/9/2024 theo hợp đồng nói trên cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng là có cơ sở theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị C có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố T phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Do đó Tòa án nhân dân N, tỉnh Khánh Hòa có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị C thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng là 42.863.151 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về yêu cầu trả tiền gốc:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 4704LAV201703404 ngày 11/9/2017 kèm phụ lục giữa Ngân hàng N và ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị C.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng mặc dù đã đôn đốc và thông báo trả nợ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ, tính đến ngày 12/9/2024 bị đơn còn nợ số tiền của hợp đồng tín dụng là 42.863.151 đồng.

Xét: Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái quy định pháp luật nên công nhận hợp đồng tín dụng là hợp pháp. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối với ông D, bà C phải thanh toán số tiền tính đến ngày 12/9/2024 là: 42.863.151 đồng trong đó tiền gốc: 21.628.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 14.183.517 đồng, tiền lãi quá hạn: 5.717.938 đồng, tiền lãi chậm trả: 1.333.696 đồng của hợp đồng tín dụng là có cơ sở và phù hợp quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[4.2] Về yêu cầu trả tiền lãi:

Lãi suất vay các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Ông D, bà C không thực hiện đúng nghĩa vụ trả lãi theo cam kết nên Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi tính đến ngày 12/9/2024 của hợp đồng tín dụng là 21.235.151 đồng trong đó tiền lãi trong hạn: 14.183.517 đồng, tiền lãi quá hạn: 5.717.938 đồng, tiền lãi chậm trả: 1.333.696 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[4.3] Về yêu cầu tiếp tục trả lãi quá hạn sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm:

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016, yêu cầu của nguyên đơn áp dụng tính lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng sau ngày xét xử sơ thẩm là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm: 42.863.151 đồng x 5% = 2.143.157 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, 147, 227, 264, 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1.1 Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị C phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền tính đến ngày 12/9/2024 là: 42.863.151 đồng *(Bốn mươi hai triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn một trăm năm mươi mốt đồng)*. Trong đó tiền gốc: 21.628.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 14.183.517 đồng, tiền lãi quá hạn: 5.717.938 đồng, tiền lãi chậm trả: 1.333.696 đồng.

1.2 Căn cứ theo hợp đồng tín dụng số 4704LAV201703404 ngày 11/9/2017 kèm phụ lục, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị C còn phải chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.143.157 đồng *(Hai triệu một trăm bốn mươi ba nghìn một trăm năm mươi bảy đồng)*.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.039.694 đồng *(Một triệu không trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi bốn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005873 ngày 22/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Huỳnh Tường Viên